

Bản án số 964/2022/HC-PT

Ngày 19 - 12 - 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 454/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2012/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 574/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3257/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Mai Văn Q, sinh năm 1949 (có mặt);

Địa chỉ: Số 275, tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Mai Văn Q: Ông Lê Văn X, sinh năm 1979 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Số 245, ấp H, xã Long Hưng B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 12, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Huỳnh Thanh S- Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ - Trưởng ban Tiếp công dân - Nội chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 5A, đường V, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M1, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 03, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C: Ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 12, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Thanh S- Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ - Trưởng ban Tiếp công dân - Nội chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 5A, đường V, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M1, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 03, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố C: Ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Đức H1, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Nguyễn Hùng X1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Trần Thị C1 (tên thường gọi là Trần Thị Thanh H2), sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M2, xã M3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 243, tổ 24, khóm 3, Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Mai Văn Q là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung của người khởi kiện là ông Mai Văn Q và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Văn X trình bày:

Ngày 25/02/2020, ông Q nhận Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Đồng Tháp, giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q. Theo đó, Chủ tịch UBND Tỉnh, ban hành Quyết định với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Q không đồng ý nội dung quyết định hành chính nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, bởi các vấn đề sau:

Nguyên gia đình ông Q có phần đất diện tích 1.660m², tọa lạc tại tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc đất do ông, bà để lại sử dụng ổn định hợp pháp từ trước năm 1975. Năm 1990, UBND xã M đã trưng dụng 1.300m² đất của gia đình ông Q để quy hoạch Trung tâm hành chính xã M, thị xã C (nay là thành phố C). Tại thời điểm này chưa thực hiện bồi hoàn đất, cây trái hay hoa màu hoặc tái định cư. Gia đình anh em ông Q cất nhà ở trên phần đất còn lại cặp bờ sông đến ngày hôm nay, Nhà nước chỉ hứa xem xét cấp lại nền nhà trong Khu quy hoạch chợ M4.

Gia đình ông Q đã khiếu nại nhiều năm nhưng chưa giải quyết dứt điểm theo quy định. Tuy có quy hoạch trung dụng phần đất này nhưng gia đình ông Q vẫn tiếp tục sử dụng đất như trồng cây và hoa màu, rào chắn, trực tiếp quản lý.

Mặc dù chưa giải quyết xong khiếu nại đối với phần đất trung dụng này nhưng đến năm 1995, UBND tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho UBND xã M (số vào sổ 00783 QSDĐ/T1, tại thửa 933, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.309m², mục đích sử dụng CDK do UBND tỉnh Đ cấp ngày 07/11/1995). Tiếp đó, đối với phần đất trung dụng của gia đình ông Q, UBND thành phố C lại điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã M để quy hoạch khu dân cư để bán nền nhà.

Ngày 12/5/2017, UBND thành phố C tiến hành tổ chức bán đấu giá các phần đất cho các hộ dân cụ thể:

Phần đất thuộc thửa 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 81,5m² (ONT) do bà Trần Thị C1 trúng đấu giá và đã được UBND thành phố C cấp GCNQSDĐ số CH00163, cấp ngày 15/8/2017.

Phần đất thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m² (ONT); thửa 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 80m² (ONT); thửa 278, tờ bản đồ số 18, diện tích 77,5m² (ONT); thửa 279, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m² (ONT) do ông Nguyễn Hùng X1 trúng đấu giá và đã được UBND thành phố C cấp GCNQSDĐ ngày 11/8/2017, ngày 07/9/2017, ngày 11/9/2017, ngày 02/10/2017.

Phần đất thuộc thửa 274, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m² (ONT) của bà Nguyễn Thị Thanh T1 được UBND thành phố C cấp GCNQSDĐ ngày 29/10/2018.

Phần đất thuộc thửa 262, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m² (ONT) của bà Nguyễn Thị Thu S1 được UBND thành phố C cấp GCNQSDĐ ngày 28/5/2018.

Phần đất thuộc thửa 273, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m² (ONT) của bà Nguyễn Thị Kim T2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ ngày 17/01/2020.

Không đồng ý với việc trưng dụng đất cũng như phân lô bán nền vừa qua của UBND xã M và UBND thành phố C, ông Q tiếp tục khiếu nại nhưng cũng không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thỏa đáng chỉ ra văn bản (công văn trả lời). Quá bức xúc gia đình ông Q ngăn cản việc giao đất cho các hộ này.

Ngày 20/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai. Ngày 07/6/2018, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 58/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Hai quyết định trên ông Q không khiếu nại.

Ngày 18/9/2018, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 21/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ toàn bộ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tại

Điều 1 của quyết định ghi “Hủy bỏ toàn bộ” Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 20/3/2018; Quyết định số 58/QĐ-CCXP ngày 07/6/2018 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả với lý do chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định.

Đến ngày 04/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Ngày 24/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ về việc Đình chính Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, lý do sai sót mang tính kỹ thuật nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung của Quyết định số 21/QĐ-KPHQ, ông Q tiếp tục khiếu nại.

Ngày 25/10/2019, ông Q nhận Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông, cho rằng Quyết định số 21/QĐ-KPHQ là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 12/11/2019, ông Q gửi đơn đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/04/2019; Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C do ban hành trái pháp luật với các lý do sau:

1/ Quyết định số 21/QĐ-KPHQ, căn cứ Biên bản số 02/BB-VPHC ngày 13/3/2018, đây là biên bản không, bởi vì biên bản này ông Q không biết vi phạm lúc nào, ở vị trí chỗ nào. Nếu biên bản này đúng pháp luật thì thời hiệu xử phạt hành chính vẫn còn hiệu lực tại điểm a khoản 3 Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, quy định “Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau: Vi phạm hành chính về kế toán; thủ tục thuế...; đất đai; đề điều; báo chí; xuất bản... thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm”.

Quyết định này trái mẫu Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Mẫu quyết định này khi chưa ban hành quyết định xử phạt nhưng vụ việc này đã xử phạt tại Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC; Quyết định số 58/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và có Quyết định số 21/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ toàn bộ các quyết định này.

2/ Cho rằng ông Q chiếm đất ở nông thôn tại thửa 276, 277, tờ bản đồ số 18 với diện tích là 179,1m² của Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng là vô lý vì ông Hùng X1 không có gặp mặt ông Q lần nào, không có nói ông Q chiếm đất, không có mốc giới, không có biên bản hòa giải, đây chứng tỏ biên bản này là biên bản không.

3/ Cho rằng ông Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng trên các thửa đất này là sai, bởi vì ông Hùng X1 chỉ mới là “Chủ do Ủy ban cấp” chứ chưa có sử dụng

đất, đất này anh em ông Q mới thật sự là người sử dụng hợp pháp từ trước năm 1975 cho đến ngày nay, không ai tranh chấp, chỉ có chính quyền xã M động viên cha ông Q hiến 1.300m² đất này để làm Trung tâm hành chính xã M, thị xã C và đổi cho cha ông Q cái nền nhà tại chợ nhưng đến nay không thực hiện, từ ngày lập biên bản đến nay trên mảnh đất này các anh em ông Q vẫn trồng cây ăn trái, hoa màu, cây kiểng, chăn nuôi và rào chắn.

4/ Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại, cho rằng Quyết định số 21/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng với khoản 3 Điều 10 Chương II của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 là một điều vô lý, bởi vì Quyết định số 21 là áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả chứ không phải xử phạt hành chính mà căn cứ điều khoản này để trả lời Quyết định số 21 là đúng.

Đến ngày 25/02/2020, ông Q nhận được Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, tại Điều 1: Giữ nguyên Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C là phù hợp với khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Như vậy Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC của Chủ tịch UBND thành phố C thì căn cứ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, còn Quyết định của Chủ tịch UBND Tỉnh thì phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Như đã phân tích ở trên, biên bản nêu trên nếu nói đến thời điểm ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là chưa hết 02 năm tại điểm a khoản 3 Điều 6.

Mặt khác khi ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, là sự vụ, sự việc không có ban hành Quyết định xử phạt hành chính thì mới áp dụng mẫu Quyết định số 13 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Cũng tại khoản 2 Điều 77 Mục 2 Chương 6 Luật Đất đai năm 2013, bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, quy định: “*Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng*”. Phần đất này có nguồn gốc của ông, bà, cha mẹ và anh em ông Q sử dụng liên tục, Nhà nước trưng dụng nhưng thật ra chưa có sử dụng ngày nào và chưa được bồi thường. Nhưng UBND thành phố C đem đất của ông Q ra đấu giá còn cho rằng ông Q chiếm đất.

Từ việc ban hành Quyết định không đúng mẫu quy định, biên bản kể trên là sai với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, cũng như quyết định cho

rằng ông Q chiếm đất của ông Nguyễn Hùng X1, nhưng hộ này chưa bao giờ gặp ông Q và cũng không có đơn khiếu nại ông Q chiếm đất. Cũng tại điểm b khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2013, quy định thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất là đất “*Phải được giải phóng mặt bằng*”, biên bản trên thể hiện đất này ông Q đang sử dụng trước khi đưa ra đấu giá.

Như trình bày trên, việc trưng dụng, không bồi hoàn, điều chỉnh dự án để phân lô bán nền, trong khi ông Q là người sử dụng đất hợp pháp lại không được hưởng lợi là chưa phù hợp với quy định.

Thứ nhất, lẽ ra theo quy định khi trưng dụng, thu hồi đất phải tiến hành bồi thường và hỗ trợ, tái định cư theo quy định, gia đình ông Q là người chủ sử dụng hợp pháp lại không được bồi hoàn, hỗ trợ tái định cư là trái quy định pháp luật.

Thứ hai, ông Q có làm đơn khiếu nại đòi đất liên tục nhưng không được cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, giải quyết mà chỉ ra rất nhiều văn bản trả lời chung chung, không bảo đảm đúng quy định làm ảnh hưởng quyền lợi của gia đình ông Q. Vụ việc không được các cơ quan chức năng giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định nên ông Q tiếp tục khiếu nại.

Thứ ba, đất của gia đình ông Q mặc dù bị trưng dụng nhưng gia đình ông Q vẫn là người trực tiếp quản lý và sử dụng, không hề bao chiếm. Nhưng UBND thành phố C lại ra các quyết định xử phạt, cưỡng chế buộc khắc phục, rồi hủy bỏ, nay cũng như vậy lại ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để buộc ông Q giao đất cho những người trúng đấu giá là chưa thỏa đáng.

Thứ tư, theo các văn bản trả lời của các cơ quan chức năng các cấp trưng dụng 1.300m² đất của ông Mai Văn L1 (cha ông Q) để quy hoạch Trung tâm hành chính xã M, tại sao lại cố tình điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư để bán nền nhà. Trong khi đó nếu không sử dụng là Trung tâm hành chính thì trả đất lại cho gia đình ông Q sao lại phân lô bán nền, thậm chí ông Q không được giải quyết quyền lợi theo yêu cầu của mình trước đây.

Từ những dẫn chứng và phân tích trên. Ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

Hủy Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q;

Hủy Quyết định số 696/QĐ-CCXP ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Hủy Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q, ngụ tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần GCNQSDĐ của UBND xã M đối với diện tích đất là

1.300m², trong tổng diện tích 10.309m², theo GCNQSDĐ số vào sổ 00783 QSDĐ/T1, tại thửa 933, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.309m², mục đích sử dụng CDK do UBND tỉnh Đăk Nông ngày 07/11/1995 cho UBND xã M. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00159 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 276, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 11/9/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00160 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 80m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 02/10/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00161 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 278, tờ bản đồ số 18, diện tích 77,5m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 07/9/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00162 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 279, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 11/8/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00163 của bà Trần Thị C1, tại thửa đất 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 81,5m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 15/8/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần GCNQSDĐ số CS00422 của bà Nguyễn Thị Thanh T1 đối với diện tích là 39,5m², tại thửa 274, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 29/10/2018. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00177 của bà Nguyễn Thị Thu S1, tại thửa 262, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 28/5/2018. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần GCNQSDĐ số CH00167 của bà Nguyễn Thị Kim T2 đối với diện tích là 40m², tại thửa 273, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 17/01/2020. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Văn bản ý kiến số 308/UBND-TCD-NC ngày 22/6/2020 của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đtrình bày:

Ngày 04/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông Mai Văn Q.

Biện pháp khắc phục hậu quả do có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Hành vi chiếm đất tại các thửa 276, 277 tờ bản đồ số 18, diện tích 179,1m², loại đất ở nông thôn do ông Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng. Xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hùng X1 đang là chủ sử dụng.

Lý do không ra quyết định xử phạt do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: Buộc ông Mai Văn Q khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm hành chính; buộc ông Mai Văn Q trả lại diện tích đất đã chiếm.

Ngày 24/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ về việc đình chỉ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q, lý do đình chỉ: Quyết định số 21/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do có sai sót mang tính kỹ thuật nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định; nội dung đình chỉ: Hành vi chiếm đất ở, tại các thửa 276, 277 tờ bản đồ số 18, diện tích 179,1m², loại đất ở nông thôn do ông Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng, sửa lại là hành vi chiếm đất ở, tại các thửa 276, 277 tờ bản đồ số 18, diện tích 163m², loại đất ở nông thôn do ông Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng.

Ông Mai Văn Q chưa thống nhất Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nên ông có đơn khiếu nại UBND thành phố C.

Ngày 25/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q, thường trú tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, nội dung: Không thống nhất hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q.

Lý do: Việc Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q là đúng với khoản 3 Điều 10 Chương II của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Ngày 12/11/2019, ông Mai Văn Q gửi đơn khiếu nại đối với Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 và Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ngày 14/01/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đối thoại với ông Mai Văn Q (ủy quyền cho ông Mai Văn X2) kết luận:

Khiếu nại của ông Mai Văn Q là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Chủ tịch UBND Tỉnh sẽ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo hướng giữ nguyên Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C.

Giao UBND thành phố C thực hiện giao cho những người thừa kế hợp pháp của hộ ông Mai Văn L1(cha của ông Mai Văn Q, Mai Văn X2) 01 nền đất ở theo quy hoạch chợ M4 (xem xét giao đối với những nền còn trống), không thu tiền sử dụng đất theo biên bản đã thỏa thuận năm 1990.

Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q, ngụ tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C.

Ngày 04/3/2020, những người thừa kế hợp pháp của hộ ông Mai Văn L1 và bà Đỗ Thị N1 cùng đứng tên có đơn xin mua nền đất ở và thống nhất để cho ông Mai Văn X2 đứng ra nhận phần đất này theo quy định của pháp luật. Ngày 06/4/2020, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND về việc giao đất ở cho ông Mai Văn X2, thửa đất số 255, tờ bản đồ số 18, diện tích 75,7m², tại xã M, thành phố C.

Từ các cơ sở trên, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Theo Văn bản ý kiến số 1313/UBND-TNMT ngày 08/7/2020 của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố C trình bày:

Tháng 11/1995, UBND tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ cho UBND xã M với diện tích 10.309m² đất, tại thửa số 933, tờ bản đồ số 02, GCNQSDĐ số 00783 QSDĐ/T1, tại xã M, thị xã C(nay là thành phố C), tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/5/2017, UBND thành phố C tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại thửa số 276, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m² đất ở nông thôn; thửa số 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 80m² đất ở nông thôn, nền chợ xã M do ông Nguyễn Hùng X1 là người trúng đấu giá.

Ngày 11/9/2017 và ngày 02/10/2017, UBND thành phố C cấp GCNQSDĐ thửa số 276, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m² và thửa thửa số 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 80m² đất ở nông thôn tại xã M cho ông Nguyễn Hùng X1.

Sau khi ông Nguyễn Hùng X1 được cấp GCNQSDĐ thì ông Mai Văn Q bao chiếm toàn bộ thửa đất số 276, 277, tờ bản đồ số 18.

Ngày 13/3/2018, UBND xã M tiến hành lập Biên bản số 02/BB-VPHC về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại thửa số 276, 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 179,1m².

Ngày 04/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Mai Văn Q.

Ông Mai Văn Q chưa thống nhất nên có đơn khiếu nại yêu cầu UBND thành phố C hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch

UBND thành phố C.

Nhưng qua kiểm tra lại Biên bản số 02/BB-VPHC về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 21/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với GCNQSDĐ tại thửa số 276, 277 đã được Chủ tịch UBND thành phố cấp có sai lệch diện tích là 16,1m².

Ngày 24/7/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ đính chính Quyết định số 21/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố C về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q.

Nội dung đính chính Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C: Tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 đã viết là: Hành vi chiếm đất tại các thửa số 276, 277 tờ bản đồ số 18 với diện tích là 179,1m², loại đất ở nông thôn do ông Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng.

Nay sửa lại là: Hành vi chiếm đất tại các thửa số 276, 277 tờ bản đồ số 18 với diện tích là 163m², loại đất ở nông thôn do ông Nguyễn Hùng X1 là chủ sử dụng.

Ngày 01/8/2019, UBND xã M mời ông Mai Văn Q đến UBND xã M để trao Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ ngày 24/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C đính chính Quyết định số 21/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố C về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Qua đó ông Mai Văn Q thống nhất nhận Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ ngày 24/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C.

Ông Mai Văn Q không thống nhất về nội dung của Quyết định số 21/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố C và gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố C yêu cầu hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố C.

Ngày 24/5/2019, Thanh tra thành phố C tiếp xúc và làm việc với ông Mai Văn Q. Qua đó ông Mai Văn Q yêu cầu hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 17/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố C có buổi đối thoại với ông Mai Văn Q.

Ngày 25/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC có nội dung là không thống nhất hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q.

Lý do: Việc Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 21/QĐ-

KPHQ ngày 04/4/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Mai Văn Q là đúng với khoản 3 Điều 10 Chương II của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Từ những cơ sở trên, UBND thành phố C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 và Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C.

Lý do: Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 và Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C được ban hành đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ và Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

Theo Văn bản ý kiến số 314/UBND ngày 23/9/2020, Văn bản số 371/UBND ngày 03/11/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã M, thành phố C trình bày:

Vào năm 1990, thực hiện quy hoạch khu hành chính UBND xã M và khu vực chợ M4 với diện tích 10.309m²; trung dụng 01 phần diện tích đất 1.300m² của ông Mai Văn L1 (cha ông Mai Văn Q). Phần đất khu hành chính UBND xã M và chợ M4 đó thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 933, diện tích 10.309m² do UBND Tỉnh cấp GCNQSDĐ ngày 07/11/1995. Tại thời điểm đó UBND xã M có làm việc trao đổi với ông Mai Văn L1, ông L1 thống nhất là không bồi thường cây ăn trái và hoa màu nhưng phải giải quyết cho ông L1 được sử dụng phần đất từ lộ xuống bờ sông và 01 cái nền trong khu quy hoạch chợ. Ông L1 cam kết nếu sau này các con ông tranh chấp thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm (ông Mai Văn L1 chết năm 2001). Qua sự việc trên, UBND xã M đã thực hiện cho ông được sử dụng phần đất ở từ mí lộ đến sông hiện ông Mai Văn X2 sử dụng, thời điểm đó chưa cấp 01 cái nền cho ông L1 theo thỏa thuận.

Vào ngày 12/5/2017, UBND thành phố C tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất số 276, 277, tờ bản đồ 18, diện tích 163m² đất ở nông thôn nền chợ M4, xã M do ông Hùng X1 là người trúng đấu giá. Hiện tại các thửa đất trên ông Mai Văn Q đã bao chiếm sử dụng.

Ngày 13/3/2018, UBND xã M tiến hành lập Biên bản số 02/BB-VPHC về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Mai Văn Q tại thửa đất số 276, 277 tờ bản đồ 18, diện tích 163m² của ông Nguyễn Hùng X1.

Đồng thời, UBND xã M đề nghị về UBND thành phố C xử lý vi phạm của ông Mai Văn Q theo thẩm quyền.

Về GCNQSDĐ vào năm 1990 thực hiện quy hoạch khu hành chính UBND xã M và khu vực chợ M4 với diện tích 10.309m², thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 933 do UBND Tỉnh cấp GCNQSDĐ cho UBND xã M ngày 07/11/1995. Hiện nay GCNQSDĐ chưa tách ra được do đang thực hiện quy hoạch như: Hạ tầng cụm dân cư xã M đang xây dựng chưa hoàn thành còn vướng mặt bằng; Lô

A hiện nay còn khoảng 700m² đất chưa thu hồi; Chợ M4 đang xây dựng;

Hiện tại UBND xã M có Công văn số 338/UBND-HC ngày 09/10/2020 đề nghị đến Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C hỗ trợ điều chỉnh diện tích đất trong GCNQSDĐ UBND xã M.

Về quy hoạch do quá trình thực hiện đô thị hóa, sự phát triển của xã hội ngày càng được nâng cao nên việc thực hiện quy hoạch không còn phù hợp nên UBND thành phố C điều chỉnh lại quy hoạch cho phù hợp với thực tế.

Đến ngày 28/3/2016, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm Văn hóa - Thể thao M4 (khu vực chợ M4).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hùng X1 có văn bản ý kiến trình bày:

Theo Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bán đấu giá Cụm dân cư xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, ông đấu giá được 4 thửa số 276, 277, 278, 279 tờ bản đồ số 18 Cụm dân cư xã M, thành phố C. Ngày 17/8/2017, ông đang dọn cỏ phần đất đấu giá được thì bị ông Mai Văn X2 rượt đánh, hiện nay hai thửa đất số 276, 277 do ông Q bao chiếm đất không cất nhà ở được. Nay ông Hùng X1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn Q trả lại hai thửa đất số 276, 277 cho ông, không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C1 trình bày: Bà C1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày: Bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu S1 có văn bản ý kiến trình bày:

Bà S1 đang sở hữu thửa đất số 262, tờ bản đồ số 18, tại khu dân cư chợ M4, đất do UBND thành phố C cấp lần đầu ngày 02/8/2017. Đất này của em gái bà S1 là Nguyễn Thị Thu T3 đã trúng đấu giá vào năm 2017 và được UBND thành phố C cấp GCNQSDĐ ngày 02/8/2017. Do thấy bà S1 buôn bán khó khăn nên ngày 28/5/2018 em gái bà S1 làm thủ tục tặng cho QSDĐ lại cho bà S1 và bà S1 đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp, nay bà S1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T2 có văn bản ý kiến trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 273, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m² do bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H3 vào ngày 02/01/2020 có làm Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Đồng Tháp số công chứng 29, quyền số 1TP/CC-SCC/HĐGD, đã nộp đủ tiền lệ phí trước bạ và thuế

thu nhập cá nhân. Ngày 17/01/2020 bà T2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 531677. Căn cứ theo Điều 95 Luật Đất đai bà T2 là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất nêu trên nên bà T2 không đồng ý theo yêu cầu của ông Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019, Quyết định số 696/QĐ-CCXP ngày 18/5/2020, Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Q đối với yêu cầu hủy một phần và toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân xã M, ông Nguyễn Hùng X1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2021/QĐ-BPKCTT ngày 26/3/2021 và Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-SCBSQĐ ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Mai Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn X đại diện cho ông Mai Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Mai Văn Q,

Năm 1990 để thực hiện quy hoạch Trung tâm hành chính xã M, thị xã C nên UBND đã sử dụng đất của một số hộ dân trong đó có đất của ông Mai Văn L1 khoảng 1 công đất tương đương 1.300m². UBND xã và ông L1 tiến hành lập biên bản về việc trao đổi đất nền như sau: “Ông L1 có 01 công đất nằm trong quy hoạch của Ủy ban trong đó có số cây ăn trái và hoa màu, theo ý ông L1

không bồi thường cây ăn trái, hoa màu. Nhưng giải quyết cho ông toàn quyền sử dụng phần đất từ lộ xuống bờ sông, chiều dài 36m từ lộ đến sông và một cái nền nhà trong quy hoạch chợ, chuẩn bị thành lập chợ. Nếu sau này các con của ông L1 tranh chấp thì ông L1 hoàn toàn chịu trách nhiệm” (Bút lục 141). Hiện nay gia đình ông L1 sử dụng phần đất từ lộ xuống bờ sông như thỏa thuận. Đồng thời ngày 06/4/2020, UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Mai Văn X2 là anh trai của ông Mai Văn Q một nền đất diện tích 75,7m² không thu tiền sử dụng đất, tại khu vực chợ và ông X2 đã nhận bàn giao nền nhà ngày 07/4/2020 (Bút lục 156). Việc trao đổi đất giữa ông L1 và UBND xã đã được thực hiện đúng theo thỏa thuận. Ngày 07/11/1995, UBND tỉnh Đ cấp cho UBND xã M diện tích là 10.309m², thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 933 trong đó có 1.300m² đất nói trên là theo đúng quy định pháp luật. Ông Q yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ là không có căn cứ. Đối với một số hộ dân đã được UBND thành phố C giao đất như ông Nguyễn Hùng X1, bà Trần Thị C1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2. Căn cứ kết quả đấu giá, UBND đã tiến hành cấp GCNQSDĐ cho các hộ này là có căn cứ. Việc cấp GCNQSDĐ cho UBND cũng như các đương sự trúng đấu giá phần diện tích có liên quan đất tranh chấp là có căn cứ. Thời điểm năm 1990 việc thu hồi đất không bồi thường đất mà chỉ bồi thường hoa màu và giá trị thu lợi trên đất. Năm 1995 Nhà nước đã giao đất cho UBND xã M nên việc thỏa thuận đó đã được giải quyết xong tại thời điểm giao đất cho UBND xã. Kháng cáo của ông Q yêu cầu xem xét 1.300m² gia đình ông L1 sử dụng từ năm 1990 là không có căn cứ chấp nhận. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Mai Văn Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/3/2020 Ông Mai Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

Hủy Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q;

Hủy Quyết định số 696/QĐ-CCXP ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Hủy Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Văn Q, ngụ tổ 12, ấp 2, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần GCNQSDĐ của UBND xã M đối với diện tích đất là 1.300m^2 , trong tổng diện tích 10.309m^2 , theo GCNQSDĐ số vào sổ 00783 QSDĐ/T1, tại thửa 933, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.309m^2 , mục đích sử dụng CDK do UBND tỉnh Đ cấp ngày 07/11/1995 cho UBND xã M. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00159 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 276, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m^2 , loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 11/9/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00160 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 80m^2 , loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 02/10/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00161 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 278, tờ bản đồ số 18, diện tích $77,5\text{m}^2$, loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 07/9/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00162 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 279, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 , loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 11/8/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00163 của bà Trần Thị C1, tại thửa đất 260, tờ bản đồ số 18, diện tích $81,5\text{m}^2$, loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 15/8/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần GCNQSDĐ số CS00422 của bà Nguyễn Thị Thanh T1 đối với diện tích là $39,5\text{m}^2$, tại thửa 274, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 , loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 29/10/2018. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số CH00177 của bà Nguyễn Thị Thu S1, tại thửa 262, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 , loại đất ONT do UBND thành phố C cấp ngày 28/5/2018. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần GCNQSDĐ số CH00167 của bà Nguyễn Thị Kim T2 đối với diện tích là 40m^2 , tại thửa 273, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m^2 , loại đất ONT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 17/01/2020. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Mai Văn Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

[2.1.1] Thẩm quyền ban hành:

Chủ tịch UBND thành phố C ký ban hành các Quyết định số 21/QĐ-KPHQ, Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC, Quyết định số 696/QĐ-CCXP là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Chủ tịch UBND tỉnh Đ ký ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

Việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho UBND xã M, ông Nguyễn Hùng X1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 24; Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.2] Thời hạn, thời hiệu của Quyết định số 21/QĐ-KPHQ, Quyết định số 696/QĐ-CCXP:

Lúc 16 giờ 00 phút ngày 13/3/2018, ông Lê Quốc D- Chủ tịch UBND xã M lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC đối với ông Mai Văn Q về hành vi làm hàng rào lấn chiếm đất ở của ông Nguyễn Hùng X1 tại thửa đất số 276, 277 tờ bản đồ số 18, diện tích 179,1m² loại đất ở nông thôn, địa điểm tại ấp 2, xã M, thành phố C, kèm theo là sơ đồ đo đạc vị trí đất mà ông Q bao chiếm của ông Hùng X1. Các biên bản có chữ ký của chính quyền địa phương, người bị thiệt hại là ông Hùng X1, cùng người làm chứng là ông Nguyễn Khoa N2. Ông Q không thống nhất nên không ký tên vào biên bản cũng như không nhận biên bản vi phạm, nên ngày 14/3/2018 UBND xã M đã lập biên bản về việc không nhận biên bản vi phạm và niêm yết Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC tại tổ 12, ấp 2, xã M.

Ông Q cho rằng biên bản vi phạm hành chính được lập không nhưng biên bản được niêm yết công khai tại UBND xã M và từ đó cho đến khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ông Q không có khiếu nại, còn quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì ông X2 đã ký nhận thay cho ông Q.

Do vụ việc không thuộc thẩm quyền xử phạt của mình nên cùng ngày 19/3/2018 UBND xã M ban hành Văn bản số 40/UBND-HC chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND thành phố C xử lý là đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Sau khi nhận Văn bản số 40/UBND-HC của UBND xã M, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố ban hành Văn bản số 512/TN-MT ngày 20/3/2018 đề nghị Phòng Tư pháp thành phố thẩm định hồ sơ. Ngày 20/3/2018, Phòng Tư pháp có Văn bản số 74/PTP gửi Chủ tịch UBND thành phố về ý kiến tư vấn hồ sơ xử phạt.

Ngày 20/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Q. Đến ngày 07/6/2018, Chủ tịch UBND ban hành Quyết định số 58/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, ông Q không đồng ý nên khiếu nại. Đến ngày 18/9/2018, Chủ tịch UBND ban hành Quyết định số 21/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ các Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC và 58/QĐ-CCXP. Tiếp tục ngày 04/4/2019 ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q. Ngày 24/7/2019 ban hành Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ đình chỉ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, ông Q không đồng ý tiếp tục khiếu nại. Ngày 25/10/2019 Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC giải quyết khiếu nại lần đầu.

Về thời hạn: Do thời hạn xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên ngày 04/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 21/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra là buộc ông Q khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm hành chính và buộc trả lại diện tích đất đã chiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính và ông Q đã nhận quyết định vào ngày 17/4/2019.

Về mẫu biểu: Do không xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND thành phố đã áp dụng mẫu quyết định số 13 để ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định về biểu mẫu tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Kể từ thời điểm ông Q tranh chấp với ông Hùng X1 đã làm rào trên đất là ngày 13/3/2018, cho đến khi ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ngày 04/4/2019 là còn thời hiệu 2 năm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính, ông Q cho rằng còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên Chủ tịch UBND thành phố C cho rằng đã hết thời hiệu theo điểm c khoản 1 Điều 65 mà không xử phạt hành chính chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là có lợi cho ông Q và đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28: *“Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật này”*. Ngoài ra, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (ngày 13/3/2018) cho đến ngày ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ngày 04/4/2019 đã quá thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 66, cho nên Chủ tịch UBND thành phố C ban hành quyết định buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ vào Quyết định số 21/QĐ-KPHQ, sau khi kiểm tra việc thực hiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, do ông Q không chấp hành nên ngày 15/5/2020 Chủ tịch UBND xã M đã có Văn bản số 179/UBND-HC đề

xuất UBND thành phố xem xét cưỡng chế thực hiện Quyết định số 21/QĐ-KPHQ, ngày 18/5/2020, Phòng Tư pháp thành phố có Văn bản số 211/PTP tư vấn hồ sơ cưỡng chế trình Chủ tịch UBND. Ngày 18/5/2020, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 696/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Mai Văn Q là đúng theo quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[2.1.3] Về trình tự thủ tục của Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC, Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC:

Sau khi nhận Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019 ông Q đã gửi đơn khiếu nại quyết định đến Chủ tịch UBND thành phố nên ngày 09/5/2019 Chủ tịch UBND ban hành Thông báo số 136/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu gửi cho ông Q và ban hành Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Thanh tra thành phố. Ngày 24/5/2019, Thanh tra tổ chức tiếp xúc với ông Q. Ngày 12/6/2019, Chánh Thanh tra có Báo cáo số 74/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố C. Ngày 17/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố C tổ chức đối thoại với ông Q. Đến ngày 25/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC giải quyết khiếu nại lần đầu.

Không đồng ý với Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC, ngày 12/11/2019 ông Q khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ. Ngày 18/11/2019 Văn phòng UBND Tỉnh có Văn bản số 1018/UBND-TCD-NC thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND Tỉnh giao cho Sở Tư pháp kiểm tra rà soát, đề xuất báo cáo. Ngày 25/11/2019, Sở Tư pháp có Văn bản số 2927/STP-QLXLVPHC&TDTHPL tham mưu giải quyết khiếu nại trình Chủ tịch UBND. Ngày 03/12/2019, Chủ tịch UBND ban hành Quyết định số 1480/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Sở Tư pháp. Ngày 20/12/2019, Sở Tư pháp có báo cáo xác minh số 1347/STP-QLXPVPHC&TDTHPL gửi Chủ tịch UBND Tỉnh. Ngày 14/01/2020, Chủ tịch UBND Tỉnh tổ chức đối thoại. Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC giải quyết khiếu nại lần 2.

Chủ tịch UBND thành phố C và Chủ tịch UBND Tỉnh đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 7, 8, 9, 18, 21, 27, 29, 30, 31, 32, 36, 38, 39, 40, 41 của Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 5, 6, 7, 11, 14, 18, 21 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.1.4] Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ cho UBND xã M, ông Nguyễn Hùng X1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2: UBND Tỉnh và UBND thành phố C đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 99; Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Nội dung:

Năm 1990 thực hiện quy hoạch khu hành chính UBND xã M và chợ M4 nên UBND xã đã sử dụng đất của một số hộ dân, trong đó có đất của ông Mai Văn L1 (cha ông Q) khoản 1 công đất (tương đương 1.300m²). Ngày 12/01/1990, giữa Ban sản xuất xã M và ông L1 có lập Biên bản về việc trao đổi đất nền nhà, với nội dung: “Ông L1 có 01 công đất nằm trong quy hoạch của Ủy ban trong đó có số cây ăn trái và hoa màu, theo ý ông L1 không bồi thường cây ăn trái, hoa màu. Nhưng giải quyết cho ông toàn quyền sử dụng phần đất từ lộ xuống bờ sông, chiều dài 36m từ lộ đến sông và một cái nền nhà trong quy hoạch chợ, chuẩn bị thành lập chợ. Nếu sau này các con của ông L1 tranh chấp thì ông L1 hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Sau đó UBND tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ cho UBND xã M ngày 07/11/1995, diện tích 10.309m² tại thửa 933, tờ bản đồ số 02, loại đất CDK. Ngày 20/9/2006, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1456/QĐ-UBND.HC về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm Văn hóa - Thể thao M4. Đến ngày 28/3/2016, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung tâm Văn hóa - Thể thao M4 (khu vực chợ M4). Năm 2017, UBND thành phố C tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu quy hoạch. Ông Nguyễn Hùng X1 trúng đấu giá nền nhà tại các thửa 276, 277. Tuy nhiên UBND chưa giao được đất do ông Mai Văn Q có hành vi làm hàng rào trên các phần đất này và bị UBND xã M lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 13/3/2018 về hành vi lấn, chiếm đất.

Ông Mai Văn Q cho rằng ông không lấn chiếm đất mà từ năm 1990 đến nay gia đình ông vẫn trồng cây, hoa màu và rào chắn trên đất. Việc này được những người làm chứng là Nguyễn Văn S2, Mai Tấn Đ1, Mai Văn K, Nguyễn Việt H4, Nguyễn Thanh M1 xác nhận.

Tuy nhiên, trước năm 1990 phần đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Mai Văn L1 và ông L1 đã tự nguyện làm Biên bản ngày 12/01/1990 giao cho Nhà nước quy hoạch sử dụng thì từ đó quyền sử dụng đã được chuyển giao hợp pháp cho Nhà nước. Cụ thể GCNQSDĐ được cấp cho UBND xã M ngày 07/11/1995 cho nên việc UBND thành phố C là cấp có thẩm quyền đã đưa phần đất trên quy hoạch làm khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã M trong đó có việc phân lô đấu giá các phần nền nhà trong khu vực chợ M4 là hoàn toàn hợp pháp.

Việc ông Q rào chắn bao chiếm trên các phần đất của ông Hùng X1 trúng đấu giá mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

UBND xã M đã vận động ông Q tháo dỡ hàng rào, cây trồng, vật dụng ra khỏi khu đất đã bán đấu giá để giao trả đất tại biên bản ngày 22/01/2018 nhưng ông Q không chấp hành. Ngày 18/02/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C kết hợp với UBND xã M vận động giao một nền nhà cho ông X2 đại diện cho anh em của ông Q nhận, đồng thời ngày 06/4/2020 UBND thành

phố C ban hành Quyết định số 504/QĐ-UBND giao đất ở cho ông X2 diện tích 75,7m² không thu tiền sử dụng đất, tại khu vực chợ và ông X2 đã nhận bàn giao nền nhà ngày 07/4/2020. Mặt khác, phần đất từ lộ đến bờ sông gia đình anh em của ông Q đang sử dụng cất nhà ở từ năm 1990 đến nay. Như vậy UBND xã M đã thực hiện đúng thỏa thuận với ông L1 theo biên bản ngày 12/01/1990 nhưng ông Q vẫn không di dời tháo dỡ rào chắn. Cho nên việc Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 696/QĐ-CCXP buộc trả lại đất đã chiếm và khôi phục tình trạng của đất trước khi vi phạm hành chính là đúng với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ông Q khiếu nại cho rằng không có hành vi chiếm đất của ông Hùng X1 mà phần đất gia đình ông bị Nhà nước trưng dụng không được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, gia đình khiếu nại liên tục nhưng không được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, gia đình vẫn sử dụng liên tục từ năm 1990 đến nay chứ không có bao chiếm. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Lê Văn X (đại diện ủy quyền của ông Q) cho rằng bà N1, ông Q khiếu nại liên tục nhưng chỉ cung cấp được đơn khiếu nại ngày 13/6/2017, đơn khiếu nại ngày 24/7/2017, không có tài liệu chứng cứ kèm theo đơn xác định đơn đã được gửi cho các cơ quan này, cũng như các bên đương sự xác định các loại cây như Ổi, Mai, Chuối đang trồng trong phần đất của ông Hùng X1, bà S1; ông Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp trên các thửa đất 276, 277 mà phần đất này đã được ông Mai Văn L1 (đã chết) là người sử dụng đất hợp pháp trước năm 1990 và đã có văn bản thỏa thuận giao cho Nhà nước mà không cần phải bồi thường từ ngày 12/01/1990, quyền sử dụng hợp pháp thuộc về Nhà nước cho nên việc Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung không thống nhất hủy Quyết định số 21 và Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND.HC giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC là đúng với quy định tại điểm h Điều 31; điểm h Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.3] Ông Q yêu cầu hủy một phần và toàn bộ GCNQSDĐ, GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã M, ông Nguyễn Hùng X1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2 nhưng tại phiên tòa, ông X đại diện cho ông Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định việc cấp GCNQSDĐ của UBND tỉnh Đ, UBND thành phố C đã cấp cho UBND xã M, ông Nguyễn Hùng X1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2 là sai, trái với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2.4] Đối với phần đất do UBND Tỉnh cấp cho UBND xã M ngày 07/11/1995, diện tích là 10.309m², thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 933. Hiện nay GCNQSDĐ chưa tách ra được do đang thực hiện quy hoạch như: Hạ tầng cụm dân cư xã M đang xây dựng chưa hoàn thành còn vướng mặt bằng; Lô A hiện nay còn khoảng 700m² đất chưa thu hồi; Chợ M4 đang xây dựng;

Hiện tại UBND xã M có Công văn số 338/UBND-HC ngày 09/10/2020 đề nghị đến Văn phòng Đăng ký đất đai Tỉnh; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C hỗ trợ điều chỉnh diện tích đất trong GCNQSDĐ của UBND xã M.

[2.5] Đối với các quyết định có liên quan như Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 20/3/2018; Quyết định số 58/QĐ-CCXP ngày 07/6/2018; Quyết định số 21/QĐ-HBXPVPHC ngày 18/9/2018; Quyết định số 294/QĐ-ĐCKPHQ ngày 24/7/2019; Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 06/4/2020. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung ban hành quyết định là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông Mai Văn Q yêu cầu hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019, Quyết định số 696/QĐ-CCXP ngày 18/5/2020, Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C, Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là có căn cứ.

[2.7] Việc ông Mai Văn Q yêu cầu hủy một phần và toàn bộ GCNQSDĐ, GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của UBND xã M, ông Nguyễn Hùng X1, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị Kim T2, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ mà không nêu rõ nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung cho rõ phần không chấp nhận.

[2.8] Do yêu cầu của người khởi kiện không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2021/QĐ-BPKCTT ngày 26/3/2021 và Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-SCBSQĐ ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông Q kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên án sơ thẩm, có bổ sung phần tuyên cho đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ý án sơ thẩm, cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Q là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 28; Điều 38; Điều 58; Điều 65; Điều 66; Điều 86; Điều 87; Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 7, 8, 9, 18, 21, 27, 29, 30, 31, 32, 36, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 24, 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 99, 102, 105 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 5, 6, 7, 11, 14, 18, 21 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 10; điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn Q. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, bổ sung cụ thể như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 21/QĐ-KPHQ ngày 04/4/2019, Quyết định số 696/QĐ-CCXP ngày 18/5/2020, Quyết định số 87/QĐ-UBND.HC ngày 25/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định số 84/QĐ-UBND-HC ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Q đối với yêu cầu:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã M đối với diện tích đất là 1.300m², trong tổng diện tích 10.309m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 QSDĐ/T1 tại thửa số 933, tờ bản đồ số 02, loại đất CDK do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 07/11/1995 cho Ủy ban nhân dân xã M. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00159 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 276, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m², loại đất

ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 11/9/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00160 của ông Nguyễn Hùng X1, tại thửa đất 277, tờ bản đồ số 18, diện tích 80m², loại đất ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 02/10/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00161 của ông Nguyễn Hùng X1 tại thửa đất 278, tờ bản đồ số 18, diện tích 77,5m², loại đất ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 07/9/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00162 của ông Nguyễn Hùng X1 tại thửa đất 279, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 11/8/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00163 của bà Trần Thị C1 tại thửa đất 260, tờ bản đồ số 18, diện tích 81,5m², loại đất ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 15/8/2017. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00422 của bà Nguyễn Thị Thanh T1 đối với diện tích là 39,5m², tại thửa 274, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 29/10/2018. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00177 của bà Nguyễn Thị Thu S1, tại thửa 262, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/5/2018. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00167 của bà Nguyễn Thị Kim T2 đối với diện tích là 40m², tại thửa 273, tờ bản đồ số 18, diện tích 75m², loại đất ONT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 17/01/2020. Đất tọa lạc tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2021/QĐ-BPKCTT ngày 26/3/2021 và Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐ-SCBSQĐ ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí đo đạc là 3.900.000 đồng, ông Q phải chịu.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Mai Văn Q được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Văn Q được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương